TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2020/DS-PT
Ngày 27 - 02 - 2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Túy Giang

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Lệ Kiều

Ông Trương Thanh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhỏ - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 146/2019/TLPT-DS ngày 19 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 57/2019/DS-ST ngày 07 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 139/2019/QĐ-PT ngày 24 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị A, sinh năm 1954; địa chỉ: Ấp Xóm M, xã Tân T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

- *Bị đơn:* Chị Trần Thị U, sinh năm 1971 và anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1969; cùng địa chỉ: Ấp Phan M, xã Định T, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Phạm Thị A.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là bà Phạm Thị A trình bày: Bà không nhớ rõ ngày tháng năm nào, bà có cho chị U vay số tiền 15.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 6%/tháng. Khi vay không thỏa thuận thời hạn trả và không có làm giấy tờ.

Cũng trong thời gian đó, bà có cho bà Trần Thị T vay số tiền 3.000.000 đồng lãi suất mỗi tháng là 200.000 đồng. Sau đó giữa bà T và chị U thỏa thuận với nhau chuyển số nợ này sang cho chị U. Như vậy, tổng cộng chị U vay của bà số tiền 18.000.000 đồng. Từ thời gian vay đến nay chị U có đóng lãi cho bà nhưng không đầy đủ. Đến thời điểm khởi kiện bà xác định số tiền lãi chị U nợ bà là 13.000.000 đồng nhưng bà chỉ yêu cầu chị U trả số tiền 7.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền vốn và lãi là 25.000.000 đồng.

Tại phiên tòa bà xác định bà không nhớ thời gian cụ thể chị U ngưng không trả lãi cho bà ngày tháng năm nào, bà chỉ biết chị U nợ bà số tiền lãi là 13.000.000 đồng tính đến ngày khởi kiện.

Bị đơn chị Trần Thị U trình bày: Vào khoảng năm 2016, chị có vay của bà A số tiền 10.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 7%/tháng. Sau đó chị có nhờ bà Trần Thị T vay dùm chị số tiền 3.000.000 đồng lãi suất thỏa thuận 7%/tháng. Khi vay không thỏa thuận thời gian trả và cũng không làm giấy tờ gì. Sau khi vay thì chị có trả lãi cho bà A nhưng cụ thể trả bao nhiêu thì chị không nhớ. Đối với số tiền lãi đã đóng chị không yêu cầu tính lại.

Nay chị xác định từ thời điểm chị ngưng không trả lãi cho bà A đến nay là 08 tháng. Do số tiền chị trả lãi cho bà Ánh đã quá nhiều nên chị không đồng ý tiếp tục trả lãi cho bà A. Chị chỉ đồng ý trả cho bà A số tiền vốn vay 13.000.000 đồng. Số tiền chị vay của bà A là sử dụng vào mục đích trả nợ chung của vợ chồng và chi tiêu trong gia đình.

Từ những nôi dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 57/2019/DS-ST ngày 07 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị A đối với chị Trần Thị U và anh Nguyễn Văn P.

Buộc chị Trần Thị U và anh Nguyễn Văn P giao trả cho bà Phạm Thị A số tiền 14.726.000 đồng (vốn 13.000.000 đồng, lãi 1.726.000 đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị A, yêu cầu chị Trần Thị U và anh Nguyễn Văn P giao trả số tiền 25.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, luật thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 15/11/2019, bà Phạm Thị A kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm buộc chị Trần Thị U và anh Nguyễn Văn P trả bà số tiền 25.000.000 đồng tiền vốn và lãi vay của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Phạm Thị A giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị A, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 57/2019/DS-ST ngày 07/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Xét đơn kháng cáo của bà Phạm Thị A nộp trong hạn luật định. Căn cứ vào Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, được chấp nhận xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Xét yêu cầu của bà Phạm Thị A yêu cầu triệu tập người làm chứng: Bà A xác định bà Trần Thị A1 và bà Trần Thị T biết sự việc bị đơn nợ bà 18.000.000 đồng vì có biết bị đơn có trả tiền lãi cho bà. Bà yêu cầu triệu tập bà Trần Thị T vì bà T giao số tiền vốn vay cho bị đơn. Hội đồng xét xử thấy rằng, bị đơn thừa nhận có nợ số tiền vốn vay 3.000.000 đồng do nhờ bà T vay bà A và bà A xác định các khoản vay vốn khác là bà A giao cho bà U, không người chứng kiến, không viết biên nhận nên không chấp nhận yêu cầu triệu tập người làm chứng của bà A.

[4] Xét kháng cáo của bà Phạm Thị A yêu cầu chị Trần Thị U và anh Nguyễn Văn P trả bà số tiền 25.000.000 đồng tiền vốn và lãi vay của bà. Hội đồng xét xử thấy rằng: Bà A xác định bà có cho chị U vay số tiền 18.000.000 đồng nhưng bà A không cung cấp được chứng cứ chứng minh là chị U có vay số tiền 18.000.000 đồng. Đồng thời, chị U chỉ thừa nhận có vay của bà A số tiền 10.000.000 đồng và nhờ bà T vay 3.000.000 đồng, tổng cộng 13.000.000 đồng. Theo khoản 1 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định *"Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp"* nên Tòa cấp sơ thẩm buộc chị U, anh P giao trả bà số tiền vốn vay là 13.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[5] Đối với số tiền lãi 7.000.000 đồng mà bà A yêu cầu chị U, anh P trả cho bà. Hội đồng xét xử thấy rằng, do bà A không xác định thời điểm nào chị U ngưng đóng lãi cho bà nên căn cứ vào sự thừa nhận của chị U là 08 tháng chị không đóng lãi và số tiền 1.726.000 đồng mà Tòa cấp sơ thẩm buộc chị U, anh P trả cho bà U là phù hợp theo quy định của pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[6] Từ những phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị A, có căn cứ chấp nhận toàn bộ đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[7] Các phần khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị được giữ nguyên và đã có hiệu lực pháp luật.

[8] Án phí dân sự phúc thẩm: Bà A là người cao tuổi nên bà Ánh được miễn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228, Điều 273, 276 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị A. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 57/2019/DS-ST ngày 07/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị A đối với chị Trần Thị U và anh Nguyễn Văn P.

Buộc chị Trần Thị U và anh Nguyễn Văn P giao trả cho bà Phạm Thị A số tiền 14.726.000 đồng (vốn 13.000.000 đồng, lãi 1.726.000 đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị A, yêu cầu chị Trần Thị U và anh Nguyễn Văn P giao trả số tiền lên đến 25.000.000 đồng.

3. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm, bà Phạm Thị A được miễn toàn bộ. Chị Trần Thị U và anh Nguyễn Văn P phải nộp 736.000 đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phạm Thị A không phải nộp.

4. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký tên và đóng dấu)

Cao Thị Túy Giang

Nơi nhận:
- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện Đ;
- CCTHADS huyện Đ;
- Đương sự;
- Lưu Tổ HCTP, hồ sơ vụ án.